

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN THÁNG VII NĂM 1997

Ở Bắc Bộ, mưa nhiều tập trung vào nửa cuối tháng, nên các sông ở khu vực này có lũ lớn, nhiều địa phương bị ngập úng.

I- TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Mưa vừa, mưa to trên diện rộng và kéo dài

Do hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới nên ở Bắc Bộ và Thanh Hoá, mưa vừa, mưa to trên diện rộng và kéo dài vào nửa cuối tháng, gây lũ lớn trên các sông, suối và ngập úng ở nhiều địa phương thuộc khu vực này.

b) Nắng nóng

Nhiều nơi ở Trung Bộ và một vài nơi thuộc Bắc Bộ đã có một số ngày nắng nóng xảy ra vào những ngày đầu tháng. Nhiệt độ cao nhất đạt tới 36 đến 39°C.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ đạt mức xấp xỉ TBNN (trung bình nhiều năm).

Nơi có nhiệt độ thấp nhất là Đà Lạt (Lâm Đồng): 14,8°C xảy ra ngày 3.

Nơi có nhiệt độ cao nhất là thành phố Huế (Thừa thiên - Huế): 38,8°C xảy ra ngày 7.

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi thuộc Bắc Bộ, Nam Bộ và Tây Nguyên có lượng mưa tháng xấp xỉ và cao hơn TBNN, còn ở các tỉnh ven biển Trung Bộ có lượng mưa tháng thấp hơn TBNN.

Nơi có lượng mưa tháng lớn nhất là Bắc Quang (Hà Giang): 1196mm (+302mm).

Nơi có lượng mưa ngày lớn nhất là Lục Yên (Yên Bái): 300mm xảy ra ngày 13.

Nơi có lượng mưa tháng nhỏ nhất là Ba Đồn Quảng Bình): 21mm (-69mm).

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có số giờ nắng thấp hơn TBNN.

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Trà My (Quảng Nam): 250 giờ (+31 giờ).

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Sin Hồ (Lai Châu): 2 giờ (-117 giờ).

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở Bắc Bộ, mưa nhiều và kéo dài suốt nửa cuối tháng nên đồng ruộng của nhiều địa phương bị úng ngập nghiêm trọng, một số diện tích lúa và hoa màu bị mất trắng.

II- TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Những ngày trung, hạ tuần trong tháng các sông ở Bắc Bộ đã có lũ lớn, ở mức báo động 3 và trên mức báo động 3. Ngày 19 có lũ quét xảy ra ở huyện Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên làm hư hỏng một số công trình thủy lợi và thiệt hại tài sản của nhân dân.

- Trên sông Thao tại trạm Yên Bái, mực nước cao nhất trong tháng: 32,00m (17h ngày 22), ở mức báo động 3, đợt lũ thứ 2 đỉnh lũ 31,20m (1h ngày 28) ở mức báo động 2.

- Trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang, có 2 đợt lũ ở trên mức báo động 2. Đợt 1 đỉnh lũ 24,57m (21h ngày 23); đợt 2 đỉnh lũ 24,81m (19h ngày 29).

- Trên sông Đà tại hồ Hòa Bình: mực nước hồ ngày đầu tháng 87,55m (7h ngày 1), ngày cuối tháng 89,38m (7h ngày 31). Lưu lượng đến hồ lớn nhất trong tháng $9700\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 9), lưu lượng nhỏ nhất trong tháng $2150\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 3), lưu lượng trung bình tháng $6150\text{m}^3/\text{s}$, lớn hơn TBNN là 44%.

Lưu lượng xả từ ngày 10 lớn hơn $8000\text{m}^3/\text{s}$, lưu lượng xả lớn nhất trong tháng $8940\text{m}^3/\text{s}$ (19h ngày 14).

- Trên sông Hồng tại trạm Hà Nội, mực nước cao nhất: 11,09m (7h ngày 24), mực nước thấp nhất 5,37m (1h ngày 01), mực nước trung bình 8,76m, cao hơn TBNN 0,83m.

- Trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có 2 đợt lũ ở trên mức báo động 3. Đợt 1 đỉnh lũ 5,87m (4h ngày 24), đợt 2 đỉnh lũ 5,54m (17h ngày 30).

2. Ở Trung Bộ

Các sông ở Bắc Trung Bộ, những ngày cuối tháng đã có lũ.

- Trên sông Mã tại Giàng, mực nước thấp nhất trong tháng -0,74m (7h ngày 6), mực nước cao nhất trong tháng 3,54m (13h ngày 20).

- Trên sông Cả tại Nam Đàn, mực nước thấp nhất trong tháng 2,42m (19h ngày 15), mực nước cao nhất trong tháng 5,12m (22h ngày 26).

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiền, sông Hậu đang lên và ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ là 0,50m, ở mức xấp xỉ cùng thời kỳ năm 1994.

- Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu, mực nước ngày đầu tháng 1,20m (18h ngày 01), ngày cuối tháng 3,01m (19h ngày 31).

- Trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc, mực nước ngày đầu tháng 1,16m (18h ngày 01), ngày cuối tháng 2,43m (19h ngày 31).

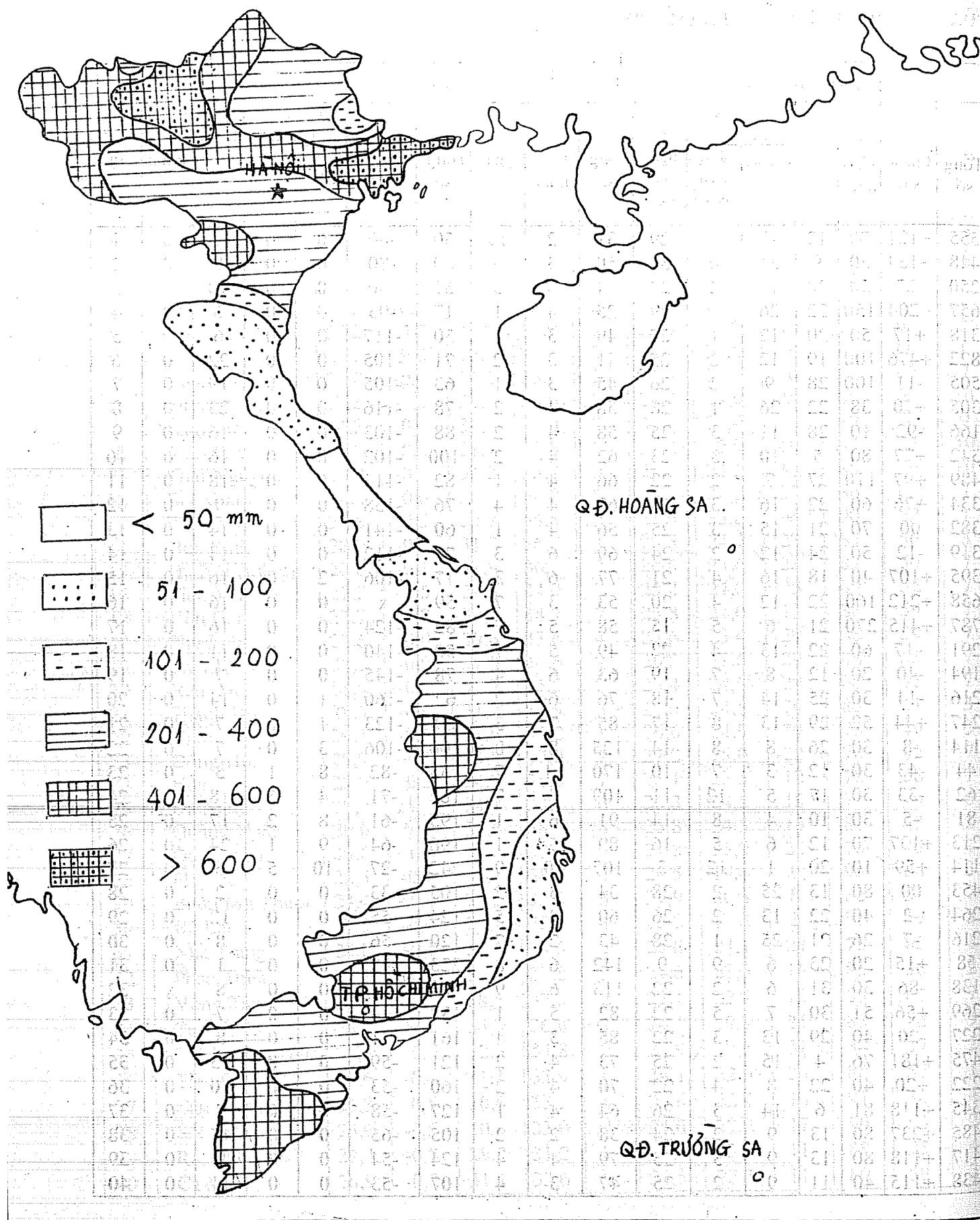
ĐẶC TRƯNG MỘT SỐ YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG

Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	25,8	-0,7	30,3	34,5	29	24,2	23,1	12	92	67	13
2	Điện Biên	26,3	+0,6	30,0	31,9	14	24,4	22,4	9	92	68	14
3	Sơn La	24,6	-0,4	28,4	31,6	14	22,8	21,8	10	88	63	14
4	Sa Pa	19,2	-0,6	21,6	23,8	2	17,8	16,6	24	95	75	1
5	Lào Cai	27,2	-0,5	31,0	35,9	2	25,4	23,7	8	89	63	2
6	Yên Bái	27,2	-0,8	30,6	34,4	2	24,9	23,6	9	91	66	1
7	Hà Giang	27,0	-0,8	31,2	33,9	2	24,9	23,8	10	90	62	9
8	Tuyên Quang	27,8	-0,3	31,4	35,0	2	25,0	24,0	9	85	61	10
9	Lạng Sơn	26,3	-0,7	30,0	33,0	2	24,4	22,4	9	89	56	9
10	Cao Bằng	26,7	-0,6	31,1	33,8	2	24,2	22,9	10	87	55	10
11	Thái Nguyên	27,9	-0,6	31,2	33,7	2	25,7	24,2	11	88	56	10
12	Bắc Giang	28,4	-0,6	31,3	34,2	7	26,4	24,2	22	86	61	7
13	Phú Thọ	27,8	-0,5	30,8	34,5	2	25,6	23,8	9	90	62	1
14	Hòa Bình	28,0	-0,3	31,7	36,7	1	25,5	24,7	23	85	56	3
15	Hà Nội (Láng)	28,8	-0,1	31,9	36,5	2	26,6	24,6	28	82	50	7
16	Tiên Yên	27,3	-0,5	29,5	34,9	7	25,4	24,0	25	89	52	7
17	Hòn Gai	27,7	-0,8	30,7	34,7	7	25,8	24,0	13	88	59	7
18	Phù Liên	27,6	-0,6	30,6	33,6	4	25,6	23,4	29	88	59	7
19	Thái Bình	28,3	-0,9	31,0	34,6	7	26,3	23,6	29	88	55	7
20	Nam Định	28,5	-0,8	31,7	35,5	7	26,4	24,0	29	86	53	7
21	Thanh Hóa	28,5	-0,5	31,7	35,9	3	26,5	24,8	29	83	51	3
22	Vinh	29,1	-0,5	31,6	35,2	1	26,6	24,9	29	78	49	3
23	Đồng Hới	29,9	+0,2	33,8	37,0	7	27,2	25,0	22	70	42	7
24	Huế	28,9	-0,5	34,8	38,8	7	25,1	23,5	12	78	38	7
25	Đà Nẵng	29,2	+0,1	34,1	38,1	6	26,3	24,5	15	79	39	6
26	Quảng Ngãi	29,0	0,0	34,6	38,2	8	25,8	24,5	13	81	43	2
27	Quy Nhơn	30,6	+0,9	35,0	37,5	9	27,8	25,2	22	70	42	1
28	Plây-cu	22,3	-0,1	26,1	28,7	4	20,5	19,4	9	95	68	3
29	Buôn Ma Thuột	24,4	+0,1	29,2	32,6	5	21,9	20,8	8	88	57	7
30	Đà Lạt	18,5	-0,4	22,4	25,1	4	16,2	14,8	3	91	57	3
31	Nha Trang	28,8	+0,5	32,7	34,5	5	25,8	24,1	23	76	53	1
32	Phan Thiết	27,1	+0,2	31,5	33,8	2	24,6	23,3	16	83	56	2
33	Vũng Tàu	27,6	+0,2	30,6	32,3	2	25,1	22,7	16	83	62	7
34	Tây Ninh	26,7	-0,1	34,3	36,0	1	24,1	19,7	25	83	42	9
35	T.P. Hồ Chí Minh	27,3	+0,2	32,3	34,8	2	23,9	22,6	31	84	57	2
36	Tiền Giang	26,6	-0,4	31,1	33,9	4	24,1	22,6	26	88	57	1
37	Cần Thơ	26,3	-0,5	30,6	33,3	4	24,6	22,4	16	91	84	4
38	Sóc Trăng	26,6	-0,5	30,4	33,0	4	24,0	22,2	17	90	63	2
39	Rạch Giá	27,4	-0,7	29,2	31,2	3	25,3	23,0	11	88	75	4
40	Cà Mau	26,9	-0,2	31,1	33,6	9	24,5	22,3	11	89	59	3

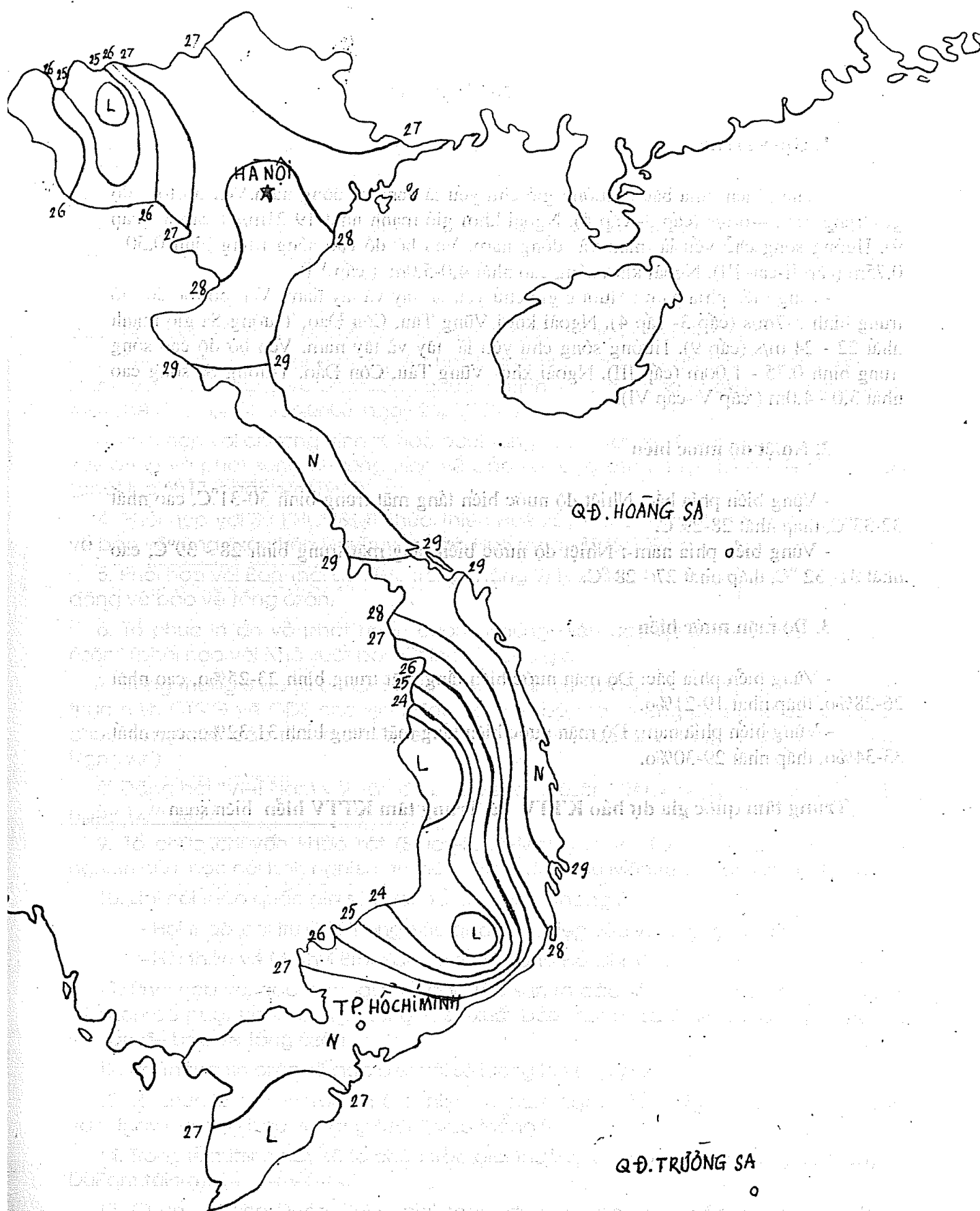
Chú thích: Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng

ỦA CÁC TRẠM THÁNG VII NAM 1997

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Gió tây khô nóng		Đông	Mưa phùn	
				Có mưa đầu nhất	Không mưa đầu nhất							Nhẹ	Mạnh			
55	+121	70	12	17	1	29	31	2	13	50	-80	0	0	1	0	1
48	+134	50	9	31	0	31	50	3	3	60	-80	0	0	8	0	2
50	-27	50	20	15	2	27	44	3	3	67	-90	0	0	10	0	3
57	+204	150	22	26	1	29	25	4	1	17	-93	0	0	6	0	4
18	+17	50	20	17	1	27	49	3	2	50	-117	0	0	6	0	5
22	+476	100	19	12	2	25	41	3	2	71	-105	0	0	22	0	6
05	-11	100	28	9	2	26	45	3	1	63	-105	0	0	19	0	7
05	+70	38	22	26	1	28	58	4	2	78	-116	0	0	23	0	8
66	-92	10	28	11	3	25	58	4	2	88	-103	0	0	16	0	9
42	+77	80	5	10	3	23	62	4	2	100	-102	0	0	16	0	10
89	+97	110	27	7	2	22	66	4	1	82	-114	0	0	18	0	11
34	+76	60	22	16	3	23	67	4	4	76	-138	0	0	9	0	12
82	00	70	21	15	3	25	56	4	1	60	-141	0	0	14	0	13
19	-12	50	24	12	2	24	69	6	3	78	-112	0	0	14	0	14
95	+107	40	18	16	4	21	77	6	3	77	-106	2	0	16	0	15
58	+212	160	22	12	4	20	53	3	7	59	x	0	0	16	0	16
87	+415	270	21	6	5	15	58	5	7	82	-124	0	0	16	0	17
91	+17	60	22	13	4	22	49	5	7	50	-140	0	0	11	0	18
94	-40	20	12	8	7	19	63	6	4	78	-145	0	0	7	0	19
16	-14	30	25	14	7	18	76	6	2	62	-160	1	0	14	0	20
47	+44	52	29	13	8	17	85	7	3	89	-123	1	0	7	0	21
14	-8	30	26	8	8	14	125	8	8	100	-106	3	0	7	0	22
44	-43	30	12	3	7	10	170	11	7	138	-82	8	1	3	0	23
52	-33	30	17	5	12	11	109	8	7	187	-71	4	5	18	0	24
31	-5	30	10	4	8	14	91	6	1	195	-61	8	2	17	0	25
13	+137	70	12	6	5	16	89	5	1	196	-64	9	1	24	0	26
14	+59	10	20	1	12	3	107	10	9	242	-27	10	5	6	0	27
53	00	80	13	25	2	28	34	3	2	105	-33	0	0	2	0	28
64	-2	40	22	13	2	26	60	4	5	124	-55	0	0	12	0	29
16	-7	26	21	25	1	28	43	2	7	120	-56	0	0	8	0	30
58	+15	20	23	6	9	9	142	6	8	223	-22	0	0	1	0	31
38	-86	30	31	6	2	22	113	6	9	x	x	0	0	8	x	32
69	+56	51	30	7	5	22	82	5	1	187	-34	0	0	7	0	33
27	-20	40	29	13	3	22	85	3	4	161	-41	0	0	8	0	34
75	+181	76	4	15	2	25	73	4	2	121	-59	0	0	13	0	35
22	+20	40	22	8	4	22	70	4	2	160	-53	0	0	10	0	36
45	+118	81	6	14	3	26	64	4	1	127	-58	0	0	7	0	37
85	+237	80	13	9	2	24	38	2	2	105	-65	0	0	15	0	38
17	+118	80	13	9	3	23	79	4	4	124	-54	0	0	9	0	39
38	+115	40	11	9	2	25	47	3	4	107	-53	0	0	11	0	40



Hình 1. Bản đồ lượng mưa tháng VII năm 1997



Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng VII năm 1997

III- TÌNH HÌNH HẢI VẤN

1. Gió và sóng

- Vùng biển phía bắc : Hướng gió chủ yếu là nam và đông nam. Ven bờ tốc độ gió trung bình 4-6m/s (cấp 3- cấp 4). Ngoài khơi gió mạnh nhất 19-21m/s (cấp 8 - cấp 9). Hướng sóng chủ yếu là nam và đông nam. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,50 - 0,75m (cấp II-cấp III). Ngoài khơi sóng cao nhất 4,0-5,0m (cấp VI).

- Vùng biển phía nam : Hướng gió chủ yếu là tây và tây nam. Ven bờ tốc độ gió trung bình 5-7m/s (cấp 3- cấp 4). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa gió mạnh nhất 22 - 24 m/s (cấp 9). Hướng sóng chủ yếu là tây và tây nam. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,75 - 1,00m (cấp III). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất 3,0 - 4,0m (cấp V -cấp VI).

2. Nhiệt độ nước biển

- Vùng biển phía bắc: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 30-31°C, cao nhất 32-33°C, thấp nhất 28-29°C.

- Vùng biển phía nam : Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 28 - 39°C, cao nhất 31- 32 °C, thấp nhất 27 - 28 °C.

3. Độ mặn nước biển

- Vùng biển phía bắc: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 23-25‰, cao nhất 26-28‰, thấp nhất 19-21‰.

- Vùng biển phía nam: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 31-32‰, cao nhất 33-34‰, thấp nhất 29-30‰.

Trung tâm quốc gia dự báo KTTV và Trung tâm KTTV biển biên soạn